

PHỤ LỤC

Kế hoạch nhân rộng mô hình giảm nghèo có hiệu quả năm 2019
(Kèm theo Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 23/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



T T	Tên mô hình	Địa bàn thực hiện	Số lượng hộ tham gia				Tổng kinh phí (ngàn đồng)	Chia ra					
			Tổng số (hộ)	Trong đó				Kinh phí Trung ương	Vốn đối ứng của nhân dân	Ngân sách xã, huyện	Vốn vay ưu đãi	Vốn khác	
				Hộ Nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo							Hộ không nghèo
A	Nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; các thôn đặc biệt khó khăn (thuộc Tiểu dự án 2-Dự án 2)		205	131	50	20	4	4.414.400	3.081.000	917.200	170.000	198.200	48.000
I	Huyện Sơn Tây		35	18	14	3	-	648.000	502.000	146.000			
1	Mô hình chăn nuôi gà kiến thả vườn	Các xã: Sơn Mùa và Sơn Bua	15	8	7	-	-	312.400	250.000	62.400			
2	Chăn nuôi Heo Kiêng sắt (heo cỏ địa phương)	Các xã: Sơn Mùa và Sơn Dung	20	10	7	3		335.600	252.000	83.600			
II	Huyện Sơn Hà		35	25	6	-	4	1.302.200	643.000	243.000	170.000	198.200	48.000
1	Liên kết tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm heo ky Sơn Hà	Xã Sơn Ba	35	25	6	-	4	1.302.200	643.000	243.000	170.000	198.200	48.000
III	Huyện Tây Trà		32	18	10	4		621.000	535.000	86.000			
1	Nuôi bò cái lai Zebu sinh sản	Các xã: Trà Lãnh, Trà Thọ	32	18	10	4	-	621.000	535.000	86.000			
IV	Huyện Trà Bồng		41	20	14	7		740.000	535.000	205.000			
1	Phát triển chăn nuôi gà ta (gà kiến)	Các xã: Trà Tân, Trà Phú và Trà Bùi	16	8	4	4		285.600	205.600	80.000			
2	Phát triển chăn nuôi heo bản địa (heo cỏ)	Các xã: Trà Sơn, Trà Thủy và Trà Bình	25	12	10	3		454.400	329.400	125.000			
V	Huyện Tư Nghĩa		3	2	0	1	-	53.200	41.000	12.200			

T T	Tên mô hình	Địa bàn thực hiện	Số lượng hộ tham gia				Tổng kinh phí (ngàn đồng)	Chia ra					
			Tổng số (hộ)	Trong đó				Kinh phí Trung ương	Vốn đối ứng của nhân dân	Ngân sách xã, huyện	Vốn vay trư dài	Vốn khác	
				Hộ Nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo							Hộ không nghèo
1	Chăn nuôi heo bản địa (heo cô) sinh sản	Xã Nghĩa Thọ	3	2	-	1	-	53.200	41.000	12.200			
VI	Huyện Ba Tơ		59	48	6	5	-	1.050.000	825.000	225.000	-	-	-
1	Chăn nuôi bò cái địa phương sinh sản	Các xã: Ba Bích, Ba Lễ và Ba Nam	31	20	6,00	5	-	566.000	425.000	141.000	-	-	-
2	Chăn nuôi trâu cái nội sinh sản	Các xã: Ba Trang, Ba Khâm	28	28	-	0	-	484.000	400.000	84.000			
B	Nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (Dự án 3)		36	15	11	10	-	863.650	463.000	400.650			
I	Huyện Mộ Đức		15	15	-	-	-	284.000	231.500	52.500			
1	Nuôi bò cái Zebu sinh sản	Xã Đức Phú	15	15	-	-	-	284.000	231.500	52.500			
II	Huyện Sơn Tịnh		21	-	11	10	-	579.650	231.500	348.150			
1	Nuôi bò cái Zebu sinh sản	Xã Tịnh Bắc	21	-	11	10	-	579.650	231.500	348.150			
	Tổng cộng		241	146	61	30	4	5.278.050	3.544.000	1.317.850	170.000	198.200	48.000

Ghi chú: Khi xây dựng và thực hiện dự án, các địa phương xem xét điều chỉnh số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ không nghèo tham gia cho phù hợp với tình hình thực tế và trong phạm vi dự toán được giao